

Cà Mau, ngày 18 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018,
Và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

PHẦN I

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018:

- Trong năm 2018, nguồn cung tôm, cá nguyên liệu nhìn chung không ổn định, lúc tương đối dồi dào – giá giảm, lúc lại khan hiếm – giá tăng cao, nhất là giá cá nguyên liệu sản xuất surimi. Trong những tháng đầu năm cạnh tranh thương mại quốc tế khá gay gắt, do các nước đối thủ về mặt hàng tôm như: Ấn độ, Indonesia, Bangladesh, Thái lan, Ecuador đều trúng mùa, trong khi lại chưa bước vào mùa tiêu thụ trọng điểm của năm;

- Thị trường tiêu thụ tôm gặp rất nhiều khó khăn, những tháng đầu năm đơn hàng rất ít do cạnh tranh về giá với các nước đối thủ cung ứng. Thị trường Nhật lượng hàng tồn kho còn lớn. Thị trường Mỹ, ngày 08/3/2018 Bộ Thương mại Mỹ (DOC) thông báo mức thuế chống bán phá giá sơ bộ cho tôm Việt Nam trong giai đoạn xem xét hành chính lần thứ 12 - POR12 (từ 01/02/2016 – 31/01/2017) là 25,39%. Mãi đến ngày 10/9/2018, DOC mới công bố kết quả cuối cùng là 4,58%, trong khi có doanh nghiệp được áp thuế suất 0%. Thị trường Châu Âu rút thẻ vàng với Thủy sản Việt Nam,... Tình hình tiêu thụ tôm chỉ được cải thiện tốt hơn trong khoản từ nửa cuối tháng 5 đến tháng 10/2018;

- Trong khi thị trường tiêu thụ tôm gặp rất nhiều khó khăn, thì thị trường tiêu thụ Surimi lại thuận lợi, thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... đều tăng trưởng mạnh trong 09 tháng đầu năm;

- Ngày 06/7/2018, cuộc chiến Thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc chính thức được kích hoạt, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới. Ở nhiều nước, giá cả nhiều mặt hàng tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân – tạo ra tâm lý tiết kiệm, ảnh hưởng đến sức tiêu thụ, nhất là những mặt hàng thực phẩm có giá trị cao như tôm;

- Quản lý sản xuất vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, làm cho định mức sản xuất thường xuyên biến động – thiếu sự ổn định ảnh hưởng đến giá thành giảm sức cạnh tranh, nhất là

các size tôm lớn; một số bộ phận xử lý công việc thiếu chủ động, sáng tạo, linh hoạt, rõ ràng, bố trí sản xuất nhiều công đoạn chưa khoa học, chưa hợp lý với thực tiễn sản xuất ở từng thời điểm, từng chủng loại mặt hàng làm ảnh hưởng đến năng suất chung;

- Nguồn vốn kinh doanh có những thời điểm còn bị thiếu hụt nhưng không ảnh hưởng lớn, vì Công ty đã khắc phục được những khoản lỗ đầu tư ra bên ngoài trước đây;

- Thị trường tiêu thụ tôm gặp khó khăn ảnh hưởng lớn đến sản xuất – sản xuất không ổn định làm cho lực lượng lao động chính thức biến động mạnh và bị thiếu hụt nghiêm trọng khi vào mùa chính vụ – đơn hàng nhiều. Cạnh tranh thu hút lao động hiện nay rất gay gắt và rất khó tuyển dụng. Tuy nhiên, bằng nhiều giải pháp nên từ đầu tháng 06 đến cuối năm Công ty đã huy động và duy trì được lực lượng lao động công nhật tại 02 Xí nghiệp Mặt hàng mới và Đầm Dơi khá ổn định – cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất;

Với tình hình đó, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trong năm có tăng so với năm 2017, nhất là chỉ tiêu về lợi nhuận, nhưng vẫn còn một số chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch, cụ thể:

1. Về sản xuất chế biến:

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐV TÍNH	KH 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	T.HIỆN SO KH	T.HIỆN SO 2017
I	TOÀN CÔNG TY					
1	Mua nguyên liệu	Tấn		9.617		120,87%
2	Tổng sản lượng chế biến	Tấn		6.210		120,38%
2.1	Hàng mua nguyên liệu chế biến	Tấn	6.150	5.774	93,88%	121,73%
2.2	Hàng CB từ bán thành phẩm	Tấn		436		105,00%
II	XNCB MẶT HÀNG MỚI					
1	Mua tôm nguyên liệu	Tấn		1.014		84,93%
2	Sản lượng tôm chế biến	Tấn		1.455		101,21%
2.1	Hàng mua nguyên liệu chế biến	Tấn	1.600	1.185	74,06%	103,07%
2.2	Hàng CB từ bán thành phẩm	Tấn		270		93,79%
III	XN.CBTS ĐẦM DƠI					
1	Mua tôm nguyên liệu	Tấn		983		105,35%
2	Sản lượng tôm chế biến	Tấn		1.181		114,25%
2.1	Hàng mua nguyên liệu chế biến	Tấn	1.150	1.025	89,13%	112,21%

2.2	Hàng CB từ bán thành phẩm	Tấn		156		129,71%
IV	XN.CBTS SÔNG ĐỐC					
1	Mua cá nguyên liệu	Tấn		7.620		130,71%
2	Sản lượng surimi chế biến	Tấn		3.574		133,02%
2.1	Hàng mua nguyên liệu chế biến	Tấn	3.400	3.564	104,82%	132,97%
2.2	Hàng CB từ bán thành phẩm	Tấn		10		138,88%

- Qua số liệu cho thấy: Tổng lượng thành phẩm sản xuất toàn Công ty tăng trên 20% so với năm 2017. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất từ nguyên liệu chỉ đạt 93,88% chỉ tiêu kế hoạch năm. Trong đó, Xí nghiệp Mặt hàng mới đạt 74,06%, Xí nghiệp Đầm Dơi đạt 89,13% và chỉ có Xí nghiệp Sông Đốc vượt kế hoạch, đạt 104,82%.

- Về cơ cấu mặt hàng tôm trong tổng lượng thành phẩm chế biến từ nguyên liệu so với năm 2017 có sự chênh lệch, tôm sú tiếp tục giảm mạnh, tôm thẻ chỉ tăng nhưng sản lượng không nhiều, điều đó cho thấy cơ cấu khách hàng thay đổi, khách hàng tiêu thụ tôm sú – tôm lớn giảm, cụ thể:

TT	Mặt hàng	Kế hoạch 2018 (Tấn)	Thực hiện 2018 (Tấn)	Thực hiện so KH (%)	Thực hiện so 2017 (%)
1	Tôm sú	350	231	66,00	78,20
2	Tôm thẻ, chì	180	217	120,55	124,26
3	Tôm vanamei	2.220	1.538	69,28	96,55
4	Tôm gia công		223		
	Cộng	2.750	2.209,07	80,33	107,12

2. Về kinh doanh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa:

SỐ TT	DIỄN GIẢI	ĐV TÍNH	KH 2018	THỰC HIỆN 2018	T.HIỆN SO KH (%)	T.HIỆN SO 2017 (%)
1	Sản lượng tiêu thụ hàng thủy sản	Tấn	6.490	5.348	82,40	105,64
2	Tổng doanh thu bằng	USD	32.800.000	24.347.644	74,23	89,24
	Trong đó:					
a	Xuất khẩu trực tiếp	Tấn	6.150	5.051	82,13	104,30

	Kim ngạch xuất khẩu	USD	31.538.000	23.231.142	73,66	87,78
b	Bán trong nước	Tấn	340	297	87,35	135,29
	Doanh thu bằng	USD	1.262.000	1.116.502	88,47	136,68

• **Sản lượng và kim ngạch xuất khẩu phân theo thị trường:**

TÊN CHỈ TIÊU	LƯỢNG XK 2017 (Kg)	LƯỢNG XK 2018 (Kg)	SO SÁNH 2018/2017 (%)	GIÁ TRỊ XK 2017 (USD)	GIÁ TRỊ XK 2018 (USD)	SO SÁNH 2018/2017 (%)
1. NHẬT	1.812.166	1,809,149	99.83	6.116.361	6,364,647	104.06
2. HÀN QUỐC	630.471	547,820	86.89	4.345.043	2,822,777	64.97
3. MỸ	708.783	291,395	41.11	6.302.925	2,574,058	40.84
4. CANADA	402.609	527,617	131.05	5.022.034	5,899,963	117.48
5. CHÂU ÂU	170.570	191,520	112.28	1.607.807	1,762,194	109.60
6. KHÁC	1.118.215	1,683,724	150.57	3.071.891	3,807,503	123.95
TỔNG CỘNG	4.842.814	5,051,225	104.30	26.466.061	23,231,142	87.78

Qua số liệu xuất khẩu theo từng thị trường trong năm 2018 cho thấy:

+ *Thị trường Nhật*: nhìn chung ổn định, cả sản lượng và giá trị đều tương đương năm 2017.

+ *Thị trường Hàn Quốc và thị trường Mỹ*: sản lượng và giá trị đều giảm mạnh so với năm 2017.

+ *Thị trường Canada, thị trường Châu Âu và nhóm thị trường khác*: cả sản lượng và giá trị tiêu thụ đều tăng, tăng mạnh nhất là nhóm thị trường khác.

3. **Doanh thu VNĐ**:

ĐVT: đồng

Năm 2017	Năm 2018	
	Doanh thu	% so kế hoạch
618.783.946.505	574.982.415.547	76,88% (KH là: 747.840.000.000)

4. **Khấu hao cơ bản**:

ĐVT: đồng

Năm 2017	Năm 2018
5.458.268.700	5.679.855.175

5. Lợi nhuận trước thuế:

ĐVT: đồng

Năm 2017	Năm 2018	
	Lợi nhuận trước thuế đạt	% so kế hoạch
511.911.319	25.908.723.613	86,36% (KH là: 30.000.000.000)

6. Đầu tư xây dựng cơ bản:

6.1. Xí nghiệp chế biến Mặt hàng mới (NF).

a. Tài sản cố định đã hoàn thành.

STT	TÊN TSCĐ	THÁNG TĂNG	SỐ TIỀN
1	Máy giặt, máy ly tâm ráo nước công nghiệp	01/2018	305.000.000
2	Nhà bao che, bộ khu đặt máy XN NF	01/2018	1.502.894.318
3	Nâng cấp máy đá vảy PX 118	02/2018	139.403.001
4	Nâng cấp giếng nước ngầm 320 XN NF	02/2018	330.909.090
5	Nâng cấp trạm An Xuyên	03/2018	67.981.600
6	Cụm 3 dàn ngưng bay hơi PX 118	05/2018	2.285.698.000
7	Hệ thống theo dõi nhiệt độ kho lạnh	06/2018	42.720.000
8	Nâng cấp máy đá vảy PX 196	06/2018	603.290.000
9	Nâng cấp PX 196	06/2018	224.655.121
10	Bộ máy tính chủ	07/2018	48.000.000
11	Máy in phun videojet kèm băng tải có biến tần	08/2018	110.000.000
12	Hệ thống băng chuyền IQF 700kg/h	09/2018	7.391.482.226
13	Nâng cấp trạm hạ thế điện 560 KVA	09/2018	217.288.636
14	Nâng cấp kho lạnh 80 tấn	10/2018	38.457.374
15	Nâng cấp tủ đông trực vít Mycom	10/2018	120.223.000
16	Nâng cấp tủ đông 1.200 kg	10/2018	340.215.471
17	Nâng cấp băng chuyền IQF siêu tốc 400kg/h	10/2018	412.562.571
18	Máy hút sát da Skinpack	12/2018	440.000.000
	Tổng cộng		14.620.780.408

b. Tài sản cơ bản dở dang (chưa nghiệm thu).

STT	TÊN TSCĐ	THÁNG BẮT ĐẦU	SỐ TIỀN
1	Hệ thống làm lạnh nước 12m3/h (Gea)	08/2018	1.210.000.000
2	Di dời hệ thống máy đá vảy PX 196	09/2018	53.000.000
3	Mua phần mềm kế toán mới (TTV)	09/2018	55.000.000
4	Nhà nối dài kho 200 tấn	10/2018	360.000.000

5	Hệ thống lạnh PX 118	10/2018	700.000.000
6	Nâng cấp hệ thống băng chuyền siêu tốc PX 196	10/2018	109.949.000
7	Máy đá vảy PX 196	10/2018	150.000.000
8	Ép cọc nhà nổi dài kho 200 tấn	10/2018	147.516.938
9	Lắp đặt trạm quan trắc	11/2018	40.537.500
10	Cải tạo phòng thay bao bì, kho vật tư	12/2018	200.000.000
11	Thay coil dàn ngưng băng chuyền IQF 500kg/h	12/2018	95.965.650
12	Di dời hệ thống máy nén băng chuyền 500kg/h	12/2018	120.000.000
	Tổng cộng		3.241.969.088

6.2. Xí nghiệp chế biến Thủy sản Sông Đốc.

a. Tài sản cố định đã hoàn thành.

STT	TÊN TSCĐ	THÁNG TĂNG	SỐ TIỀN
1	Nhà thu mua	12/2018	339.811.716
	Tổng Cộng		339.811.716

b. Tài sản cơ bản dở dang (chưa nghiệm thu).

STT	TÊN TSCĐ	THÁNG BẮT ĐẦU	SỐ TIỀN
1	Hệ thống theo dõi và tự ghi nhiệt độ	08/2018	26.152.000
	Tổng Cộng		26.152.000

6.3. Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đầm Dơi.

a. Tài sản cố định đã hoàn thành.

STT	TÊN TSCĐ	THÁNG TĂNG	SỐ TIỀN
1	Nâng cấp Trạm Tân Bằng	03/2018	88.181.818
2	Nồi hơi công suất 500kg/h	05/2018	300.000.000
3	Xây dựng Trạm Chà Là	07/2018	173.110.545
4	Máy in phun videojet kèm băng tải có biến tần	08/2018	110.000.000
5	Nâng cấp dàn ngưng hệ thống liên hoàn	08/2018	80.000.000
6	Băng chuyền cấp đông siêu tốc 500kg/h	08/2018	4.707.209.001
7	Máy tách khuôn	09/2018	30.172.120
8	Mua máy phân cỡ FJ-A-7J-200G	10/2018	370.000.000
9	Hệ thống máy đá vảy 10t/ngày (cối đá vảy + kho chứa)	10/2018	792.135.000
10	Máy giặt ly tâm	12/2018	318.000.000
	Tổng Cộng		6.968.808.484

b. Tài sản cơ bản dở dang (chưa nghiệm thu).

STT	TÊN TSCĐ	THÁNG BẮT ĐẦU	SỐ TIỀN
1	Máy phân cỡ hiệu YGW-150F8/2	10/2018	471.973.000
	Tổng Cộng		471.973.000

Tổng đầu tư XDCB toàn Công ty: 25.669.494.696 đồng

Trong đó:

+ Tài sản cố định đã hoàn thành : 21.929.400.608 đồng

+ Tài sản cơ bản dở dang : 3.740.094.088 đồng

7. Thu nhập bình quân CB.CNV:

ĐVT: đồng

Năm 2017	Năm 2018
5.845.000	6.083.400

8. Tình hình đăng ký giao dịch trên sàn Upcom:

Sau thời gian tập trung hoàn thành các hồ sơ đăng ký, ngày 16/03/2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty CP Thủy sản Cà Mau là ngày 23/03/2018.

Tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn upcom trong 02 tháng cuối năm 2018 khá sôi động, đầu tháng 11 mệnh giá cổ phiếu khoảng 5.000 đồng, đến thời điểm cuối năm mệnh giá cổ phiếu giao động trong khoảng 10.500 – 12.000 đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2018, nhìn tổng quan các chỉ tiêu thực hiện có tăng hơn năm 2017, trong đó chỉ tiêu về lợi nhuận tăng mạnh và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chỉ tiêu về sản lượng chế biến và nhất là kim ngạch xuất khẩu đạt thấp, nguyên nhân như đã được đánh giá ở trên.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức đã được đánh giá, cần phải lưu tâm đến những hạn chế, yếu kém trong nội tại sau đây để có giải pháp khắc phục và định hướng phát triển tốt hơn.

- Chưa xây dựng được chiến lược sản xuất kinh doanh lâu dài, mục tiêu rõ ràng và hướng đến sự bền vững về mặt hàng, thị trường, đối tượng khách hàng để tạo ra sự khác biệt với các đối thủ nhằm giảm sức cạnh tranh, mà chỉ mới xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn hàng năm; Trong điều hành thực hiện kế hoạch, đôi lúc chưa dám đánh đổi *hoặc* chưa dung hòa được giữa lợi ích nhỏ tuy nhỏ hơn nhưng mang tính toàn cục – lâu dài với lợi ích trước mắt tuy lớn hơn nhưng ảnh hưởng đến tính toàn cục – lâu dài, dẫn đến

việc điều hành đôi lúc mang tính cục bộ (khi có những đơn hàng lớn hoặc lợi nhuận cao hơn dù mang tính đột xuất hay mùa vụ, thì từ chối những đơn hàng nhỏ hoặc có lợi nhuận thấp hơn nhưng có thể ký thường xuyên), đây là một trong những nguyên nhân không ký được đơn hàng ổn định – bị gián đoạn ảnh hưởng đến sản xuất;

- Công tác quản lý còn hạn chế: các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định, quy chế,... đều đã được thiết lập, nhưng việc tổ chức triển khai và đảm bảo luôn được duy trì thực hiện đến từng tổ đội, từng người lao động còn hạn chế. Điều đó ảnh hưởng đến công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giữa các bộ phận, đến việc kiểm tra – kiểm soát về định mức, chất lượng trong quá trình sản xuất, đây là vấn đề cần phải được các cấp quản lý quan tâm khắc phục;

- Nhà xưởng, máy móc thiết bị tuy chưa sử dụng hết công suất, nhưng khá cũ và lạc hậu làm cho giá thành trên từng đơn vị sản phẩm tăng, giảm sức cạnh tranh, nhất là đối với những sản phẩm size lớn – sản xuất và tiêu thụ tôm size lớn sụt giảm mạnh trong thời gian dài ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng sản xuất và doanh thu hàng năm.

- Thị trường liên tục yêu cầu phải đáp ứng cao hơn các tiêu chuẩn về chất lượng, kháng sinh, trách nhiệm xã hội, lao động,... và những rào cản kỹ thuật khác ngày một khắc khe hơn, nhằm bảo hộ sản xuất trong nước và hạn chế nhập khẩu, gây rất nhiều tổn kém cho doanh nghiệp, đẩy giá thành tăng cao, đây là những thách thức lâu dài của Ngành thủy sản.

3. Kết luận:

Qua số liệu và phân tích các yếu tố về cơ hội, thách thức nêu trên, với sự nỗ lực của toàn thể CB.CNV, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tuy chưa đạt kế hoạch nhưng có tăng so với năm 2017, nhất là chỉ tiêu về lợi nhuận. Do phải trích dự phòng cho khoản đầu tư Công ty SEAPRIMEXCO U.S.A. INC. và một số khoản nợ khó đòi trên: **7 tỷ đồng**, nếu không thì thực lãi trước thuế của Seaprimexco đạt được trên: **33.000.000.000 đồng**, tương đương 110% kế hoạch năm. Đây chính là sự nỗ lực đáng trân trọng của toàn thể CB.CNV Seaprimexco trong năm 2018, rất mong Quý vị cổ đông quan tâm hỗ trợ cả về tinh thần cũng như khen thưởng bằng vật chất nhằm tạo điều kiện khích lệ cho tất cả CB.CNV cùng nhau đoàn kết, phấn đấu để đạt được kết quả tốt hơn trong năm 2019.

PHẦN II

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH:

Những khó khăn, thách thức và cơ hội trong năm 2018 nêu trên, tiếp tục là những tác động mạnh đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2019.

1. Thách thức:

- Những tác động bất lợi ngày một khắc nghiệt khó lường của thời tiết do biến đổi khí hậu, dịch bệnh, biến động ngư trường khai thác có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng nguồn cung tôm, cá nguyên liệu, nhất là nguồn cá nguyên liệu chế biến Surimi;

- Phần lớn sản lượng sản xuất và tiêu thụ tập trung vào phân khúc tôm size nhỏ, không đều size, làm ảnh hưởng lớn đến lợi thế cạnh tranh thu hút nguyên liệu, sản lượng sản xuất và doanh thu hàng năm. Việc đánh mất lợi thế trong sản xuất kinh doanh mặt hàng tôm sú, và chủ yếu tập trung cho mặt hàng tôm thẻ chân trắng sẽ làm gia tăng áp lực trong cạnh tranh quốc tế, vì nguồn cung tôm sú cho thị trường thế giới hiện nay chủ yếu chỉ tập trung từ 6 nước là: Ấn độ, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam, Malaysia và Philippines, trong khi có rất nhiều nước cung ứng tôm thẻ chân trắng;

- Qua số liệu tổng kết nhiều năm cho thấy: Việt Nam chưa thể cạnh tranh với Ecuador, Argentina và Ấn Độ về cả lượng và giá tôm nhập khẩu vào thị trường EU-28, Việt Nam là nhà xuất khẩu đứng thứ 4 vào thị trường này, cụ thể:

TT	Nước	2017		2016		2015	
		Lượng (tấn)	Giá TB (EUR/kg)	Lượng (tấn)	Giá TB (EUR/kg)	Lượng (tấn)	Giá TB (EUR/kg)
1	Ecuador	96.775	6,85	95.881	6,69	93.080	6,20
2	Argentina	80.586	5,99	78.401	5,92	71.101	6,11
3	Ấn Độ	78.537	7,18	77.766	7,13	78.668	7,28
4	Việt Nam	65.535	9,28	52.431	8,95	47.539	9,10
5	Bangladesh	30.134	10,93	28.683	10,39	30.134	10,25
6	Trung Quốc	19.170	5,56	21.626	5,02	27.637	5,27
	Nguồn cung khác	170.764		182.694		168.088	
Tổng lượng EU-28 nhập khẩu		541.501	7,70	537.482	7,34	516.267	7,63

Nguồn: VASEP

- Sản lượng nguồn cung tôm cho thị trường thế giới của Ấn độ, Indonesia và Ecuador liên tục tăng trưởng mạnh trong những năm qua, nhất là Ấn độ tăng bình quân 17%/năm từ 2013 đến 2017 và đã trở thành nước xuất khẩu tôm hàng đầu thế giới. Chất lượng từng bước được nâng cao – giá thành rẻ,... tạo áp lực cạnh tranh quốc tế ngày càng

tăng lên trong năm 2019 và tiếp theo. Dự báo sản lượng nguồn cung tôm thế giới tiếp tục tăng, nên giá tôm sẽ theo chiều hướng giảm. Ấn độ hiện đã là nhà cung ứng tôm hàng đầu cho các thị trường lớn như: Mỹ, Trung Quốc,...

- Tình hình địa Chính trị – Chiến tranh vũ trang trong khu vực và thế giới luôn tiềm ẩn nhiều bất ổn và diễn biến hết sức phức tạp, khó lường; Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; Hậu quả của Cuộc chia tay (Brexit) giữa Anh và EU chưa thể lường trước; Chủ nghĩa dân tộc, bảo hộ mậu dịch trong nước trở dậy mạnh mẽ ở nhiều nước lớn – ngăn cản tự do thương mại quốc tế; các chính sách và quyết định của chính quyền Mỹ luôn đột biến khó lường,...là những nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đối với thương mại quốc tế trong thời gian tới;

- Nguy cơ ở thị trường Mỹ: theo số liệu của Bộ Tài chính Mỹ ngày 28/9/2018 (ngày làm việc cuối cùng của năm tài khóa 2018 tại Mỹ), tổng nợ công của nước này đã gia tăng đến ngưỡng kỉ lục mới 21.520 tỉ USD, tương đương với 105,4% Tổng sản phẩm Quốc nội (GDP) của nước này; Nợ công, Cuộc chiến thương mại với Trung Quốc, mâu thuẫn về thuế suất và thương mại với EU, Canada, liên tục đưa ra chính sách cấm vận – trừng phạt với nhiều nước khác, Cục dự trữ Liên Bang (FEB) liên tục tăng lãi suất USD, tham gia can dự rất nhiều cuộc xung đột vũ trang ở nhiều nơi và có thể phát sinh những cuộc xung đột mới. Với tất cả những điều đó, có thể khiến nền kinh tế Mỹ suy yếu và lâm vào khủng hoảng – giảm sức tiêu thụ hàng hóa;

- EU đã thông qua bộ quy chuẩn mới về các loại hóa chất, bao bì đóng gói... có thể gây ảnh hưởng đến nội tiết tố, sẽ bị Khối này cấm sử dụng trong sản xuất hoặc tiếp xúc với thực phẩm, khi quy định này được áp dụng có thể sẽ phát sinh những khó khăn mới trong sản xuất và đóng gói, làm tăng chi phí;

- Việc liên tục tăng mức lương tối thiểu vùng và các chính sách về mức tham gia BHXH, làm cho chi phí tăng cao – giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước so với các đối thủ quốc tế.

2. Cơ hội:

- Cơ chế chính sách đối với doanh nghiệp ngày một thông thoáng hơn; kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định và đạt mức tăng trưởng khá; Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt, dự báo lãi suất tín dụng vẫn giữ ổn định ở mức thấp để kích thích và tạo sự cạnh tranh cho nền kinh tế;

- Việc đã khắc phục được hoàn toàn các khoản lỗ đầu tư trong những năm trước đây và bắt đầu có lợi nhuận chia cổ tức, tình hình tài chính Công ty từng bước được cân đối vững mạnh, là điều kiện thuận lợi để tiếp cận các nguồn vốn vay dễ dàng hơn với mức lãi suất thấp hơn => thu hút nguyên liệu tốt hơn, giúp kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn;

- Từng bước xây dựng và đạt được các tiêu chuẩn Quốc tế về điều kiện sản xuất của nhà máy và vùng nuôi, về trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu ngày một khắc khe hơn của khách hàng để mở rộng thị trường;

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức có hiệu lực từ sau ngày 30/12/2018, sẽ mang lại nhiều lợi thế cạnh tranh về thuế suất nhập khẩu cho sản phẩm thủy sản của Việt Nam so với các đối thủ khác tại thị trường các nước tham gia ký kết Hiệp định (Nhật Bản, Canada, Australia, Mexico, Singapore, New Zealand, Chile, Malaysia, Brunei, Peru và Việt Nam);

- Hiệp định VKFTA giữa Việt Nam và Hàn Quốc có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2015, tạo cho sản phẩm thủy sản của Việt Nam có lợi thế rất lớn so với các nước trong Khối ASEAN, vì theo Hiệp định, Hàn Quốc cam kết cấp hạn ngạch thuế quan 10.000 tấn tôm cho Việt Nam trong năm đầu tiên (kể từ 20/12/2015) và đạt 15.000 tấn sau 5 năm với thuế suất 0%. Trong khi Hàn Quốc chỉ cấp cho cả ASEAN là 5.000 tấn;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA) nếu sớm được ký kết và thông qua, thì sẽ mang lại lợi thế lớn về thuế suất nhập khẩu cho mặt hàng thủy sản của Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh khác;

- Bên cạnh những thị trường truyền thống và những thị trường mà Việt Nam vừa tham gia ký kết các Hiệp định đa phương, song phương, thì Trung Quốc cũng trở thành thị trường tiêu thụ đầy tiềm năng do nhu cầu lớn, dân số đông cùng với tăng trưởng kinh tế ấn tượng, tỉ lệ người có thu nhập cao ngày càng tăng, vị trí địa lý thuận lợi.

II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019.

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018, Từ dự báo tình hình và căn cứ vào năng lực sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

1. Sản xuất, chế biến hàng thủy sản.

Đơn vị: tấn

ĐƠN VỊ	Xí nghiệp MHM			Xí nghiệp Đầm Dơi			Xí nghiệp Sông Đốc			Toàn Công ty		
	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019	Tỉ lệ % 2019 so 2018	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019	Tỉ lệ % 2019 so 2018	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019	Tỉ lệ % 2019 so 2018	Thực hiện năm 2018	KH năm 2019	Tỉ lệ % 2019 so 2018
MẶT HÀNG												
-Tôm sú	121	150	124	110	150	136				231	300	130
-Tôm thẻ, chì	111	150	135	106	150	141				217	300	138
-Tôm thẻ chân trắng	793	1.000	126	746	1.000	134				1.539	2.000	130
-Gia công tôm	160	300	187	64	200	312				224	500	223
-Surimi							3.564	3.600	101	3.564	3.600	101
Tổng cộng	1.185	1.600	135	1.026	1.500	146	3.564	3.600	101	5.775	6.700	116

2. Sản lượng tiêu thụ.

MẶT HÀNG	ĐVT	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	TỈ LỆ % 2019/2018
Xuất trực tiếp	Tấn	5.051,22	6.865	135,90%
-Tôm các loại, Surimi,...	Tấn	5.051,22	6.865	
Bán nội địa	Tấn	296,37	346	116,75%
-Tôm các loại, Surimi,...	Tấn	296,37	346	
Tổng cộng	Tấn	5.347,59	7.211	134,85%

3. Doanh thu và kim ngạch xuất khẩu.

Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	Tỉ lệ % 2019/2018
+ Tổng doanh thu	VNĐ	574.982.415.547	822.500.000.000	143,05%
* Trong đó:				
- Doanh thu xuất khẩu	VNĐ	534.383.319.484	791.950.000.000	148,20%
- Doanh thu bán nội địa	VNĐ	40.599.096.063	30.550.000.000	75,27%
+ Kim ngạch xuất khẩu	USD	23.231.142	33.700.000	145,06%

4. Lợi nhuận trước thuế.

Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	Tỉ lệ % 2019/2018
+ Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	25.908.723.613	34.000.000.000	131%

5. Kế hoạch đầu tư XDCB và máy móc thiết bị năm 2019.

TT	Hạng mục	Kích thước cơ bản, công suất	Khái toán (Triệu VNĐ)	Ghi chú
1	CÔNG TY		28,000	Chuyển tiếp từ NQ.ĐHĐCĐ năm 2018
1.1	Văn phòng Cty	12m x 44m (1 trệt + 2 lầu)	7,000	
1.2	Kho lạnh 2,520 pallet	34m x 54m x 8m (4 tầng kệ)	21,000	
2	XN Mặt Hàng Mới		6,000	
2.1	Di dời dứt điểm máy từ DL-196 sang DL-118	8.5m x 27m (5 hệ máy)	3,000	Chuyển tiếp từ NQ.ĐHĐCĐ năm 2018
2.2	Kéo dài xưởng DL196 + Di dời thiết bị đồng	8.5m x 27m	2,000	
2.3	Máy phân cỡ 2 cái	180-220p/m (China)	1,000	

3	XN Đầm Dơi		4,000	
3.1	Sửa chữa nhà xưởng		250	
3.2	Thay 6 dàn lạnh điều hòa khu vực SX	2 x 15Kw + 2 x 20Kw + 2 x 30kw	250	
3.3	Máy phân cỡ 2 cái	180-220p/m (China)	1,000	
3.4	Máy phát điện 1000 KVA		2,500	
4	XN Sông Đốc		9,000	
4.1	Máy tách xương YNS 104 - 3		1,300	
4.2	Tủ đông 2 tấn chả/mẻ		3,500	
4.3	Xây mới khu tập thể 20 căn	4m x 20m x 20 căn	3,200	
4.4	Xe tải lạnh 7 tấn		1,000	
	TỔNG CỘNG		47,000	

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

*** Trong điều hành công việc**

Với phương châm: **Chủ động - Sáng tạo - Rõ ràng - Cẩn trọng** trong điều hành, giải quyết công việc một cách nhanh nhất có thể, tăng cường sự chia sẻ và phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên tinh thần: việc gì giải quyết được thì giải quyết ngay với mục tiêu hiệu quả công việc là cao nhất.

*** Về tài chính**

- Tiếp tục rà soát, tiết giảm từng khoản chi phí nhằm đảm bảo tiết kiệm cao nhất; theo dõi, phân tích, dự báo, dự đoán tốt nhất về diễn biến của tình hình tài chính trong nước và quốc tế nhằm đưa ra quyết định chính xác về tỷ giá USD/VNĐ góp phần mang lại hiệu quả cao hơn; cân đối, điều hành nguồn vốn hợp lý để vừa đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là đáp ứng cho việc thu mua nguyên liệu phục vụ sản xuất, vừa tiết giảm đến mức thấp nhất chi phí sử dụng vốn.

- Tiếp tục rà soát, tính toán xây dựng giá thành cho từng loại hoặc từng nhóm sản phẩm xác thực tế, hạch toán đúng – đủ các khoản chi phí, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cân đối điều hành sản xuất và kinh doanh.

*** Về cơ sở vật chất, điều kiện sản xuất**

Thực hiện thường xuyên và định kỳ việc kiểm tra, theo dõi sự hoạt động của máy móc thiết bị như lắng nghe hơi thở của chính mình, qua đó sớm phát hiện những bất thường, đồng thời nghiên cứu đề xuất giải pháp công nghệ để kiểm soát, nhằm kịp thời tiến hành sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc thiết bị luôn

đảm bảo sẵn sàng phục vụ cho sản xuất; bố trí, điều chuyển trang thiết bị hợp lý, nhằm phát huy hết công dụng, công suất; chủ động rà soát, mạnh dạng thanh lý những máy móc, thiết bị không còn nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn – giảm khấu hao – giảm chi phí tài chính.

*** Lĩnh vực quản lý sản xuất**

- Chủ động thu hút, tìm đối tác cung ứng nguyên liệu, khai thác tốt nhất các trạm thu mua, sơ chế tôm hiện có, nhằm tranh thủ thêm nguồn lao động bên ngoài để tăng sản lượng. Thường xuyên quan hệ, liên hệ với các đại lý cung ứng trên bình diện rộng - từ trong tỉnh đến ngoài tỉnh để nắm thông tin kịp thời, đa chiều về giá, về chủng loại và sản lượng nguồn nguyên liệu, qua đó đưa ra chính sách thu hút nguyên liệu hợp lý và có lợi nhất; bố trí sắp xếp lực lượng lao động và công cụ sản xuất hợp lý, chống lãng công để đạt được mức năng suất cao nhất; áp dụng triệt để các công cụ - chương trình quản lý chất lượng để giám sát, duy trì và chủ động kiểm soát về định mức và chất lượng sản phẩm đảm bảo thoả mãn cho từng đối tượng khách hàng; hạn chế đến mức thấp nhất việc sản xuất dôi ra để tồn kho những mặt hàng khó tiêu thụ;

- Quản lý sản xuất phải thông kê, kiểm soát và không ngừng cải tiến – đề xuất, phối hợp cải tiến các tính năng, thông số kỹ thuật liên quan đến: máy móc thiết bị, tiêu thụ điện năng, định mức sử dụng và phối trộn phụ gia, định mức hấp, định mức chế biến, quy trình sản xuất,... nhằm từng bước nâng cao năng suất, tiết giảm chi phí, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao hơn.

*** Lĩnh vực chất lượng sản phẩm.**

- Đây là lĩnh vực vô cùng quan trọng có tính chất quyết định đến sự sống còn và phát triển bền vững của Công ty, là xu thế tiêu thụ tất yếu của thị trường, là yêu cầu ngày một khắc khe hơn của người tiêu dùng, do đó chúng ta phải duy trì và vận hành có hiệu quả **một cách thực tế** các quy trình, tiêu chuẩn, chương trình hệ thống quản lý chất lượng đã đặc ra và đạt được ở tất cả các khâu của dây chuyền sản xuất để kiểm soát chất lượng.

- Từng cán bộ, nhân viên quản lý chất lượng phải biết chủ động tự xây dựng cho mình một kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chất lượng trong ngày, trong từng công đoạn sản xuất: Hôm nay kiểm tra những công đoạn nào? ở từng công đoạn đó sẽ kiểm tra những gì?...Nhân viên quản lý chất lượng đi kiểm tra, kiểm soát nhất định phải có chủ đích, mục tiêu rõ ràng, có như vậy mới nhận diện ra được những sai lỗi để chấn chỉnh, khắc phục. Đi kiểm tra, kiểm soát mà không có chủ đích rõ ràng thì đi như vô định và rất khó nhận diện ra được những sai lỗi.

*** Lĩnh vực kinh doanh**

- Nắm sát thị trường nguyên liệu để điều hành giá mua và ký kết đơn hàng càng phù hợp với cơ cấu tự nhiên càng tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất tăng năng suất, tăng sản lượng; tính toán giá thành xác thực tế, xác định mức tỷ suất lợi nhuận phù hợp để chào

giá bán hợp lý - cạnh tranh, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Công ty và khách hàng, qua đó ký bán được nhiều đơn hàng, đây là điều kiện tiên quyết để sản xuất tăng được sản lượng, đẩy nhanh vòng quay vốn, tăng doanh thu và mang lại hiệu quả cao hơn;

- Kinh doanh phải cân đối toàn cục, phải chấp nhận bán khi lãi, khi hòa, thậm chí lỗ, nhưng toàn cục có hiệu quả ở mức hợp lý là đạt yêu cầu, có như thế mới bán được nhiều lượng, nhiều size, nhiều chủng loại hàng;

- Trong chính sách mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, Công ty kiên định với phương châm “*Trên thương trường không có đối thủ cạnh tranh vĩnh viễn*”- nay là đối thủ nhưng có thể mai là đối tác kinh doanh, nếu việc đó không gây phương hại, mà mang lại lợi ích cho chúng ta; phải tạo được mạng lưới nhiều khách hàng – nhiều thị trường nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro khi một hoặc một số thị trường nào đó bị khủng hoảng.

*** Lĩnh vực Môi trường**

Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát, nhằm đảm bảo việc vận hành, quản lý về môi trường luôn an toàn, đúng luật, tránh những tổn thất, thiệt hại về vật chất cũng như uy tín của Công ty đối với địa phương, cộng đồng và khách hàng. Đây là lĩnh vực trọng yếu, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng, cam kết sản xuất xanh và bền vững nhằm đáp ứng ngày một khắc khe các tiêu chuẩn khi bán hàng sang các thị trường phát triển.

*** Về lao động**

- Giải pháp tốt nhất và bền vững nhất để thu hút lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất là phải đảm bảo sản xuất ổn định, tăng sản lượng chế biến, từng bước nâng cao và ổn định thu nhập cho người lao động. Sản xuất ổn định - lao động sẽ ổn định.

- Duy trì và tiếp tục huy động để giữ ổn định lực lượng lao động công nhật đáp ứng cho yêu cầu sản xuất.

- Áp dụng và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan đến người lao động để thu hút và giữ chân họ; Quản lý sản xuất phải tận tình hướng dẫn người lao động làm việc thế nào để có năng suất và đạt chất lượng cao nhất; Giáo dục và thực hiện nghiêm kỷ luật lao động để có đội ngũ công nhân với tác phong công nghiệp.

Thực tế cho thấy: dù doanh nghiệp có nguồn lực mạnh về máy móc - thiết bị, công nghệ và vốn, nhưng điều hành - quản lý yếu kém nhất định sẽ thất bại. Do đó, các cấp quản lý phải xem nguồn lực lao động – nguồn lực con người – nguồn lực trí tuệ là vốn quý nhất của doanh nghiệp.

*** Đối với khách hàng và cơ quan chức năng bên ngoài**

Chủ động, linh hoạt trong xác định và tạo mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác có liên quan, qua đó góp phần tạo sự thuận lợi nhất cho mọi hoạt động SXKD của Công ty từ: tìm

nguồn vốn vay kinh doanh; thu hút nhiều đại lý cung ứng nguyên liệu phục vụ sản xuất; có được nhiều thị trường và khách hàng tiêu thụ với sản lượng lớn - ổn định; mọi công việc và thủ tục có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều được giải quyết một cách thuận lợi, nhanh chóng...

KẾT LUẬN:

Với phương châm: **“Chủ động - Sáng tạo - Rõ ràng - Cần trọng, đoàn kết và chia sẻ trong điều hành, giải quyết công việc”**.

Hội đồng quản trị và BTGD Công ty trân trọng kêu gọi Quý vị cổ đông tiếp tục hỗ trợ, đồng hành cùng toàn thể CB.CNV Công ty **chung sức kề vai với tinh thần trách nhiệm cao nhất** nhằm góp phần cùng nhau thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 ./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bui Nguyên Khánh